

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: MC /STC-NS

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2015

V/v hướng dẫn cấp phát
tiền Tết Nguyên đán Ất
Mùi năm 2015

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Thông báo số 01/TB-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Văn Nam tại cuộc họp giải quyết chế độ chính sách Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015, Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện chi tiền hỗ trợ Tết Ất Mùi năm 2015 cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các đối tượng chính sách, xã hội của tỉnh năm 2015, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC HỖ TRỢ TIỀN TẾT

1. Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chồng bà mẹ Việt Nam anh hùng: mức chi 3.500.000 đồng/định suất, gồm 3.000.000 đồng tiền mặt và 01 phần quà trị giá 500.000 đồng.
2. Anh hùng lực lượng vũ trang: mức chi 2.500.000 đồng/định suất, gồm 2.000.000 đồng tiền mặt và 01 phần quà trị giá 500.000 đồng.
3. Gia đình có 02 liệt sĩ trở lên: mức chi 2.500.000 đồng/định suất. ✓
4. Thương binh 1/4, 2/4; gia đình liệt sĩ anh hùng; gia đình liệt sĩ hưởng mất người nuôi dưỡng: mức chi 2.000.000 đồng/định suất.
5. Gia đình có 1 liệt sĩ; thương binh 3/4, 4/4: mức chi 1.700.000 đồng/định suất.
6. Gia đình có công cách mạng hưởng mất người nuôi dưỡng; cán bộ tiền khởi nghĩa; bệnh binh 1/3, 2/3; thân nhân chủ yếu của gia đình liệt sĩ (chưa đến tuổi trưởng thành hoặc hết tuổi lao động); người thờ cúng anh hùng lực lượng vũ trang từ trần; cán bộ hưu trí: mức chi 1.500.000 đồng/định suất.
7. Người hưởng trợ cấp chất độc hóa học (có từ 1 con trở lên nhiễm chất độc hóa học thì hưởng thêm 1 định suất): mức chi 1.400.000 đồng/định suất.
8. Thân nhân không chủ yếu của liệt sĩ (người đang giữ bằng và thờ cúng liệt sĩ) tính theo liệt sĩ; người thờ cúng mẹ Việt Nam anh hùng; bệnh binh 3/3; tuất từ trần thương bệnh binh; gia đình có công cách mạng; cán bộ tham gia hoạt

động kháng chiến (không hưu), cán bộ bị địch bắt tù đầy, đối tượng hưởng chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ, thanh niên xung phong (hưởng trợ cấp một lần ngoài ra không hưởng chế độ nào khác); người nhiễm chất độc da cam/Dioxin (hoàn cảnh khó khăn do Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh đề nghị): mức chi 1.200.000 đồng/định suất.

9. Đối tượng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg, thanh niên xung phong; đối tượng hưởng chính sách theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; cán bộ mất sức lao động; người có công cách mạng hưởng trợ cấp một lần (huy chương); tuất từ trần công nhân viên chức; cán bộ bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trợ cấp hàng tháng cán bộ xã (cán bộ hưu trí xã có đóng bảo hiểm xã hội): mức chi 1.000.000 đồng/định suất.

10. Công nhân trực tiếp làm công tác vệ sinh, thu gom rác trong những ngày nghỉ Tết (thuộc các đơn vị công trình đô thị của nhà nước): 4.000.000 đồng/người.

11. Các hộ nghèo: mức chi 1.000.000 đồng/hộ (số lượng hộ nghèo toàn tỉnh là 3.187 hộ, số lượng cụ thể từng huyện, thị xã, thành phố theo danh sách đính kèm).

12. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực hành chính, sự nghiệp (HCSN) do tỉnh, cấp huyện⁽¹⁾ quản lý và cơ quan Đảng đóng trên địa bàn tỉnh, huyện (kể cả nhân viên hợp đồng được Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, UBND các huyện phê duyệt, có thời hạn hợp đồng từ 6 tháng trở lên và có tên trong danh sách lương tháng 01/2015); cán bộ, công chức thuộc các cơ quan hành chính do trung ương quản lý đóng trên địa bàn; lực lượng vũ trang thuộc tỉnh quản lý (kể cả cán bộ, chiến sĩ đi học); cán bộ cấp xã⁽²⁾ hưởng lương, phụ cấp, cán bộ hưu trí xã: mức chi 1.000.000 đồng/người.

13. Viên chức thuộc ngành giáo dục, y tế làm việc xa nhà, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không đủ điều kiện về quê ăn Tết: mức chi 500.000 đồng/người

14. Cán bộ ấp, khu phố (gọi chung là ấp) hưởng phụ cấp (Bí thư Chi bộ ấp, Trưởng ấp, Trưởng ban công tác Mặt trận ấp, Phó trưởng ấp, Công an ấp, Ấp đội trưởng, Y tế ấp) và Dân quân thường trực, Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố (theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/6/2009 của UBND tỉnh Bình Dương), Đội dân phòng tại các xã: mức chi 500.000 đồng/người.

⁽¹⁾ Cấp huyện gồm: huyện, thị xã, thành phố.

⁽²⁾ Cấp xã gồm: xã, phường, thị trấn.

15. Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng tạo nguồn, đào tạo theo địa chỉ hoặc đang học tập tại các tỉnh phía Bắc⁽³⁾: mức chi 500.000 đồng/người.

16. Trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo, là nạn nhân chất độc da cam, nhiễm HIV/AIDS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; đối tượng đang hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng: mức chi 500.000 đồng/người.

17. Hỗ trợ công nhân lao động nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không đủ điều kiện về quê ăn Tết (trong đó: khối tỉnh 3.500 suất; khối huyện 3.400 suất): mức chi 500.000 đồng/suất.

18. Trại viên xã hội⁽⁴⁾: mức chi 320.000 đồng/người (80.000 đồng/người/ngày).

- Bệnh nhân nghèo nội trú tại các bệnh viện công lập: mức chi 80.000 đồng/người/ngày được hưởng tối đa 04 ngày tính theo số ngày thực tế có mặt điều trị nội trú từ ngày 18/02/2015 đến ngày 21 /02/2015⁽⁵⁾.

19. Hỗ trợ Bí thư Chi đoàn Thanh niên công nhân, Chi hội trưởng, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Thanh niên công nhân nhà trọ, Câu lạc bộ nữ nhà trọ, cán bộ làm công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cấp xã (tổng số đối tượng của toàn tỉnh là 1.600 đối tượng): mức chi 300.000 đồng/suất.

20. Quà thăm các gia đình chính sách tiêu biểu ở các huyện (mỗi huyện 5 gia đình): mức chi 2.000.000 đồng/gia đình, gồm 1.500.000 đồng tiền mặt và 01 phần quà trị giá 500.000 đồng.

21. Quà thăm các đối tượng chính sách do Tỉnh ủy quản lý: 2.352 triệu đồng.

22. Quà thăm các đơn vị khối nhà nước gồm tiền mặt và quà (danh sách theo dự toán của Văn phòng UBND tỉnh): 600,6 triệu đồng.

23. Quà thăm các Trung tâm, Trạm, Trại xã hội : 185 triệu đồng (trong đó có 02 Trung tâm thành lập mới ở Thị xã Tân Uyên và huyện Bắc Tân Uyên) .

24. Chi hợp mặt, tổ chức Tết gồm: hợp mặt ngoại giao đoàn, hợp mặt Việt kiều, triển lãm “Mừng Đảng, Mừng Xuân”, hợp mặt chúc sắc tôn giáo, hợp mặt văn nghệ sĩ: 975 triệu đồng.

25. Chi hỗ trợ hợp mặt, tổ chức Tết ở các xã, phường, thị trấn mỗi đơn vị: 7.000.000 đồng.

II. NGUỒN KINH PHÍ CHI TIỀN TẾT

⁽³⁾ Kể cả học sinh con em cán bộ, công chức các xã học các lớp tạo nguồn theo quyết định cử đi học của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

⁽⁴⁾ Bao gồm: trại viên thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội và học viên, trại viên khiếm thính đang học tại Trung tâm Giáo dục Trẻ khuyết tật Thuận An (không chi từ ngân sách cho đối tượng trại viên xã hội thuộc Trung tâm Giáo dục-Lao động-Tạo việc làm).

⁽⁵⁾ Từ ngày 30 tháng Chạp đến mừng 3 tháng Giêng (AL).

1. Ngân sách cấp tỉnh đảm nhận kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối HCSN của tỉnh quản lý; các đơn vị hành chính trung ương đóng trên địa bàn tỉnh⁽⁶⁾; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh, các đối tượng do Tỉnh ủy quản lý; học sinh tạo nguồn do tỉnh quản lý; các đối tượng chính sách xã hội (chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng nhiễm chất độc da cam dioxin có con nhiễm chất độc da cam do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm rà soát); lực lượng vũ trang (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy); bệnh nhân nghèo điều trị nội trú tại bệnh viện công lập do tỉnh quản lý; công nhân lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do Liên đoàn Lao động tỉnh thăm hỏi⁽⁷⁾; hỗ trợ Bí thư Chi đoàn Thanh niên công nhân, Chi hội trưởng, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Thanh niên công nhân nhà trọ, Câu lạc bộ nữ nhà trọ, cán bộ làm công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cấp xã⁽⁸⁾.

2. Ngân sách cấp huyện đảm nhận kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực HCSN của huyện và các đơn vị hành chính do trung ương quản lý đóng trên địa bàn ngang cấp với cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện; lực lượng vũ trang (bao gồm Ban chỉ huy quân sự huyện và Công an huyện); viên chức thuộc ngành giáo dục, y tế làm việc xa nhà, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không đủ điều kiện về quê ăn Tết; công nhân trực tiếp làm công tác vệ sinh, thu gom rác trong những ngày nghỉ Tết; bệnh nhân nghèo điều trị nội trú tại các bệnh viện, phòng khám công lập do huyện quản lý; các hộ nghèo (theo danh sách đối tượng quản lý đến hết tháng 12/2015 của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội), trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo, nạn nhân chất độc da cam, nhiễm HIV/AIDS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng đang hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; công nhân lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do Liên đoàn Lao động huyện thăm hỏi⁽⁹⁾.

⁽⁶⁾ Bao gồm: Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Thống kê, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa Án nhân dân, Thị hành án dân sự, Liên Đoàn lao động tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bình Dương, Phân Xã Bình Dương, Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn, Cục Dự trữ Nhà Nước-Khu vực Đông Nam bộ (các đơn vị gửi Sở Tài chính công văn đề nghị hỗ trợ tiền tết, danh sách cán bộ công chức đến thời điểm tháng 01/2015 và bản sao bảng lương tháng 01/2015). Công chức, viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp ngành dọc, Sĩ quan - quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ công chức quốc phòng thuộc các đơn vị quân đội của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không thuộc đối tượng hỗ trợ tiền Tết của tỉnh.

⁽⁷⁾ Kinh phí tiền Tết cho công nhân lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn sẽ được cấp bổ sung cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo danh sách đối tượng do Liên đoàn Lao động tỉnh rà soát và chịu trách nhiệm, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để nhận kinh phí tổ chức thực hiện.

⁽⁸⁾ Kinh phí tiền Tết cho Bí thư Chi đoàn thanh niên công nhân, Chi hội trưởng, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Thanh niên nhà trọ, Câu lạc bộ nữ nhà trọ, cán bộ làm công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cấp xã sẽ do cơ quan tài chính cấp tỉnh bổ sung cho Tỉnh đoàn theo danh sách của Tỉnh đoàn rà soát và chịu trách nhiệm.

⁽⁹⁾ Kinh phí Công nhân lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn sẽ do cơ quan Tài chính cấp huyện cấp bổ sung cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo danh sách đối tượng do Liên đoàn

3. Ngân sách cấp xã đảm nhận kinh phí cho cán bộ xã và cán bộ ấp, Dân quân thường trực, Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố, Dân phòng; học sinh các lớp tạo nguồn (là con em cán bộ, công chức cấp xã); cán bộ hưu trí xã; chi họp mặt, tổ chức Tết của các xã (trường hợp cán bộ đang công tác tại các xã, ấp là cán bộ thuộc đối tượng đã được ngân sách huyện hoặc tỉnh chi tiền Tết thì ngân sách xã không chi thêm; trường hợp một người tham gia nhiều tổ chức khác nhau thì chỉ được hưởng 01 định suất cao nhất mà người đó được hưởng). Riêng tiền Tết của lực lượng Dân quân thường trực, Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố, Dân phòng được chi từ Quỹ An ninh - Quốc phòng gắn với việc tăng cường trực giữ gìn an ninh trật tự các ngày Tết, nếu thiếu ngân sách xã hỗ trợ.

4. Nguồn kinh phí chi tiền Tết đã được bố trí trong dự toán năm 2015 của các đơn vị HCSN⁽¹⁰⁾, trường hợp phát sinh tăng do tăng đối tượng chi của các cấp ngân sách, từng cấp có trách nhiệm sử dụng ngân sách cấp mình để bổ sung. Cơ quan Tài chính các cấp có trách nhiệm tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng các đơn vị sự nghiệp có thu áp dụng Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ tự bảo đảm kinh phí tiền Tết cho cán bộ, công nhân viên trong kinh phí được giao năm 2015 và nguồn tài chính của đơn vị (kể cả các trung tâm, các trường thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn).

5. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực HCSN, cơ quan Đảng, lực lượng vũ trang, cán bộ xã đi học tập trung, tại chức, dài hạn, ngắn hạn thì tiền Tết sẽ do cơ quan hiện tại quản lý biên chế tổ chức cấp phát.

6. Trường hợp một đối tượng được hưởng nhiều mức chi khác nhau thì chỉ được hưởng 01 mức chi hỗ trợ cao nhất mà người đó được hưởng. Riêng thân nhân chủ yếu, thân nhân không chủ yếu của liệt sĩ, người thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng thì được hưởng đầy đủ các chế độ.

III. HẠCH TOÁN TIỀN TẾT

Kinh phí tiền Tết các đơn vị hạch toán vào mục 7750, tiểu mục 7799, chương, loại, khoản, hạng tương ứng của từng cấp ngân sách được quy định theo hệ thống mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

IV. KIỂM TRA CẤP PHÁT

1. Các đơn vị cấp phát tiền Tết có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, xem xét thẩm định và cấp phát theo đúng đối tượng, mức hỗ trợ và trình tự thủ tục qui định hiện hành, đảm bảo chặt chẽ, công khai. Trường hợp cần thiết sẽ tổ chức kiểm tra xác minh để đảm bảo tiền Tết được cấp đúng đối tượng và mức chi được hưởng.

Lao động tình rà soát và chịu trách nhiệm. Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố kết hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để nhận kinh phí tổ chức thực hiện.

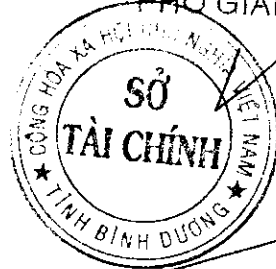
⁽¹⁰⁾ Kể cả các đơn vị thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí.

2. Việc cấp phát tiền Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015 cho tất cả các đối tượng được hưởng phải thực hiện xong trước ngày 11/02/2015 (ngày 23/12 Âm lịch).

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để xem xét giải quyết. Trường hợp có phát sinh thêm đối tượng theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính sẽ có hướng dẫn cụ thể sau. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (thay b/c);
- Lưu: VT, NS, HCSN, PC, TTr.

10 **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC
Carave

Hà Văn Út

DANH SÁCH CHI TIỀN HỖ TRỢ TẾT NGUYÊN ĐÁN ÁT MÙI NĂM 2015

Đối tượng : Hộ nghèo

(Kèm theo Công văn số : 110 /STC-NS ngày 16/01/2015 của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương)

STT	Huyện-Thị-Thành phố	Số lượng	Mức chi	Thành tiền
1	Thành phố Thủ Dầu Một	759	1,000,000	759,000,000
2	Thị xã Thuận an	835	1,000,000	835,000,000
3	Thị xã Dĩ An	180	1,000,000	180,000,000
4	Thị xã Tân Uyên	102	1,000,000	102,000,000
5	Huyện Bắc tân Uyên	73	1,000,000	73,000,000
6	Huyện Phú Giáo	367	1,000,000	367,000,000
7	Thị xã Bến Cát	230	1,000,000	230,000,000
8	Huyện Bàu Bàng	197	1,000,000	197,000,000
9	Huyện Dầu Tiếng	444	1,000,000	444,000,000
	Tổng cộng	3,187		3,187,000,000